

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC: NHỮNG MÔ HÌNH TRIỂN KHAI VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO BỐI CẢNH VIỆT NAM

Đỗ Thị Vân Dung
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết tổng hợp lý thuyết và thực tiễn về vai trò của đại học trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phân tích các mô thức triển khai (chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp sinh viên, vườn ươm — incubator, phòng thí nghiệm sáng tạo, hợp tác doanh nghiệp), nêu những thách thức điển hình và đề xuất hàm ý chính sách nhằm gia tăng đóng góp của các cơ sở giáo dục đại học vào tăng trưởng kinh tế tri thức. Bài dựa trên các khung phân tích quốc tế (HEInnovate / OECD, UNESCO) và ví dụ thực hành ở cả trường đại học hàng đầu quốc tế lẫn chương trình/nỗ lực tại Việt Nam.

Từ khoá: đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp, trường đại học, mô hình triển khai, hàm ý chính sách, Việt Nam

INNOVATION AND ENTREPRENEURSHIP IN UNIVERSITIES: IMPLEMENTATION MODELS AND POLICY IMPLICATIONS FOR THE VIETNAMESE CONTEXT

Abstract: This paper synthesizes the theory and practice of the role of universities in the innovation ecosystem, analyzes implementation models (technology transfer, student entrepreneurship, incubators, innovation labs, corporate collaboration), highlights typical challenges and proposes policy implications to increase the contribution of higher education institutions to knowledge-based economic growth. The paper is based on international analytical frameworks (HEInnovate / OECD, UNESCO) and practical examples from both leading international universities and programs/efforts in Vietnam.

Keywords: innovation, creativity, start-up, university, implementation model, policy implications, Vietnam

Nhận bài: 22/10/2025

Phản biện: 19/11/2025

Duyệt đăng: 23/11/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh kinh tế tri thức và chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đã trở thành một trong những sứ mệnh trung tâm của trường đại học bên cạnh chức năng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trên thế giới, nhiều đại học đã phát triển các mô hình như văn phòng chuyển giao công nghệ, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo, phòng thí nghiệm đổi mới, các chương trình hỗ trợ start-up sinh viên... qua đó hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn chặt với doanh nghiệp và cộng đồng. Ở Việt Nam, chủ trương của Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh vai trò tiên phong của cơ sở giáo dục đại học trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, song việc triển khai tại các trường vẫn còn phân tán, thiếu mô hình rõ ràng và cơ chế hỗ trợ đồng bộ. Vì vậy, việc nghiên cứu, hệ thống hóa các mô hình triển khai trong và ngoài nước, phân tích những điều kiện bảo đảm và thách thức, từ đó rút ra hàm ý chính sách phù hợp cho bối cảnh Việt Nam là yêu cầu cấp thiết. Đây cũng là mục tiêu chính của bài viết.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Giới thiệu — Vai trò trung tâm của trường đại học trong đổi mới sáng tạo trong bối cảnh hiện nay

Trong bối cảnh kinh tế số, chuyển đổi xanh và cạnh tranh dựa trên tri thức ngày càng gia tăng,

các trường đại học đang chuyển mình từ mô hình “giảng dạy – nghiên cứu” truyền thống sang vai trò tác nhân đổi mới sáng tạo (innovation agent) của nền kinh tế. Nhiều quốc gia xác định đại học không chỉ là nơi đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao mà còn là hạt nhân của hệ sinh thái đổi mới, thúc đẩy thương mại hóa tri thức, nuôi dưỡng doanh nghiệp khởi nguồn từ nghiên cứu và tạo ra các công nghệ mới cho thị trường.

Trong giai đoạn 2020–2025, các chiến lược giáo dục đại học của OECD, EU và UNESCO đều nhấn mạnh việc gắn kết đại học – doanh nghiệp – nhà nước theo mô hình Triple Helix và Quadruple Helix (bổ sung vai trò cộng đồng và xã hội). Các hệ sinh thái mạnh như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Israel, Singapore cho thấy: khi đại học được trao quyền tự chủ, có cơ chế quản trị linh hoạt và gắn kết với khu vực tư, năng lực đổi mới sáng tạo của quốc gia tăng mạnh mẽ.

Tại Việt Nam, vai trò của đại học trong đổi mới sáng tạo được nhấn mạnh trong nhiều chính sách quan trọng như: Chiến lược khoa học – công nghệ 2030, Chiến lược giáo dục đại học 2021–2030, Đề án 844 về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Bối cảnh trong nước hiện nay thể hiện một số xu hướng đáng chú ý:

Thứ nhất, nhu cầu đổi mới sáng tạo tăng nhanh do áp lực cạnh tranh và chuyển đổi số

Thứ hai, hệ thống đại học đang mở rộng tự chủ, tạo cơ hội thúc đẩy đổi mới

Thứ ba, các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong đại học đang mở rộng quy mô

Thứ tư, nhu cầu thương mại hóa và đóng góp xã hội nổi lên mạnh mẽ

Các bộ ngành hiện yêu cầu đại học chứng minh tác động nghiên cứu (research impact) thông qua bằng sáng chế, hợp đồng chuyển giao công nghệ, giải pháp phục vụ cộng đồng, giải pháp chuyển đổi số địa phương. Cộng đồng doanh nghiệp cũng kỳ vọng đại học là nơi cung cấp: chuyên gia, công nghệ mới, dịch vụ tư vấn và không gian thử nghiệm. Điều này khiến đại học phải chuyển vai trò từ “đơn vị đào tạo” sang “đối tác chiến lược tạo giá trị cho nền kinh tế”. Dù giữ vai trò trung tâm, trường đại học đối mặt nhiều thách thức:

Cơ chế tài chính và sở hữu trí tuệ chưa đồng bộ, làm chậm quá trình thương mại hóa.

Khoảng cách giữa nghiên cứu và nhu cầu doanh nghiệp còn lớn.

Năng lực của TTO/TTO-like units còn hạn chế, thiếu nhân sự chuyên nghiệp về quản lý IP và thị trường công nghệ.

Văn hóa đổi mới sáng tạo trong trường chưa mạnh, nhiều giảng viên/nhà khoa học ưu tiên công bố hơn chuyển giao.

Hạ tầng nghiên cứu và thiết bị hiện đại chưa đồng đều giữa các trường.

2.2. Các mô hình triển khai thực tiễn trong trường đại học

Đổi mới sáng tạo trong đại học không phải là khái niệm trừu tượng mà được hiện thực hóa thông qua nhiều mô hình tổ chức, công cụ quản trị và chương trình hỗ trợ. Đại học trên thế giới và Việt Nam đang áp dụng những mô hình sau, với mức độ phát triển khác nhau nhưng đều hướng đến mục tiêu chung: kết nối tri thức – công nghệ – thị trường.

2.2.1. Mô hình Văn phòng chuyển giao công nghệ (Technology Transfer Office – TTO)

TTO là đơn vị chuyên trách hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ, đánh giá khả năng thương mại hóa, kết nối doanh nghiệp, và cấp phép công nghệ.

Trên thế giới đã có Stanford University – Office of Technology Licensing (OTL): Là mô hình TTO nổi tiếng nhất với hơn 10.000 bằng sáng chế và

3.000 giấy phép chuyển giao đã được cấp từ khi thành lập năm 1970. Hai trong số các công nghệ được cấp phép của Stanford tạo ra doanh thu hàng tỉ USD (ví dụ công nghệ nén tin hiệu LC, Google Search ban đầu dựa trên sáng chế của hai nghiên cứu sinh Stanford). Với mô hình này cơ chế chia sẻ lợi nhuận rõ ràng (1/3 cho tác giả – 1/3 cho phòng lab – 1/3 cho trường) tạo động lực mạnh mẽ.

Ngoài ra có mô hình MIT Technology Licensing Office: Hỗ trợ trung bình 20–25 doanh nghiệp spin-off mỗi năm. TTO không chỉ cấp phép công nghệ mà còn hỗ trợ doanh nghiệp gọi vốn từ các quỹ mạo hiểm (VC) gắn với trường.

Ở Việt Nam Đại học Bách khoa Hà Nội – Viện KHCN và TTO: Đã thương mại hóa nhiều sản phẩm như thiết bị sấy lạnh, vật liệu mới, robot công nghiệp; một số hợp đồng công nghệ có giá trị hàng chục tỉ đồng. Năm 2022, trường thành lập công ty BK Holdings làm đầu mối chuyển giao, tích hợp cả ươm tạo và kết nối đầu tư.

Trường ĐHQG TP.HCM – Trung tâm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (IEC): Làm trung gian giữa các nhóm nghiên cứu và doanh nghiệp; hỗ trợ hơn 200 hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ mỗi năm...

2.2.2. Mô hình Vườn ươm doanh nghiệp và không gian sáng tạo (Incubator, Innovation Hub, Makerspace)

Incubator hỗ trợ nhóm sinh viên/giảng viên phát triển ý tưởng thành doanh nghiệp thông qua huấn luyện, tư vấn, chỗ làm việc, phòng lab, thử nghiệm, và kết nối nhà đầu tư.

Trên thế giới cũng có rất nhiều trường đại học đã ứng dụng mô hình trên như: UC Berkeley – SkyDeck Accelerator mỗi năm tiếp nhận 20–30 startup; tỉ lệ gọi vốn thành công đạt hơn 70%; mạng lưới cố vấn có trên 300 doanh nhân và chuyên gia công nghệ. Hoặc tại NUS Enterprise (Singapore) Incubator BLOCK71 đã hỗ trợ trên 1.000 startup, trong đó có nhiều doanh nghiệp quy mô khu vực Đông Nam Á.

Ở Việt Nam nhiều trường đại học cũng đã ứng dụng mô hình này như: BK Holdings – BKHUP (ĐHBKHN) hàng năm ươm tạo hơn 30 startup về AI, IoT, edu-tech, med-tech; nhiều dự án nhận vốn từ các quỹ trong và ngoài nước. Trường ĐH Kinh tế Quốc dân – NEU Innovation Hub tổ chức cuộc thi NEUron, hỗ trợ sinh viên và giảng viên phát triển mô hình kinh doanh; một số nhóm được hỗ trợ tiếp cận doanh nghiệp và quỹ đầu tư.

Trường ĐHQG TP.HCM – ITP (Khu Công nghệ Phần mềm) hỗ trợ hơn 100 doanh nghiệp khởi nghiệp; một số doanh nghiệp tăng trưởng mạnh như Goingsunny, JobHopin.

2.2.3. Mô hình hợp tác đại học – doanh nghiệp trong nghiên cứu và đổi mới sáng tạo

Hợp tác R&D là mô hình trường đồng xây dựng phòng thí nghiệm, dự án ứng dụng hoặc hợp đồng công nghệ với doanh nghiệp. Một số trường đại học trên thế giới cũng đã có áp dụng mô hình này rất nhiều như Fraunhofer Institutes (Đức) dù không phải trường đại học, nhưng mô hình hợp tác với đại học Đức rất nổi bật hơn 70% doanh thu từ các hợp đồng R&D với doanh nghiệp, khiến Fraunhofer trở thành ví dụ điển hình về thương mại hóa tri thức. Tại MIT – Industrial Liaison Program (ILP) đã kết nối 250 doanh nghiệp toàn cầu với các phòng lab của MIT. Doanh nghiệp trả phí thành viên để được tiếp cận nghiên cứu, chuyên gia và hợp tác R&D.

Tại Việt Nam cũng có 1 số trường đại học Việt Nhật (VJU) – Phòng thí nghiệm Nano hợp tác với Nhật Bản thực hiện các dự án về vật liệu nano chống khuẩn, pin năng lượng tái tạo; nhiều đề tài được doanh nghiệp đặt hàng. Tại trường Đại học Bách khoa TP.HCM – hợp tác với Intel, Bosch, Samsung Intel đã đầu tư hàng triệu USD cho phòng thí nghiệm vi mạch và chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Bosch hợp tác chuyển giao công nghệ ô tô và robot, đồng tài trợ nhiều dự án R&D.

2.2.4. Mô hình thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu (Spin-off / Startup nghiên cứu)

Spin-off là doanh nghiệp thành lập dựa trên sáng chế, công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu của trường. Tại Cambridge Enterprise (ĐH Cambridge) trong giai đoạn 2010–2022 đã hỗ trợ 140 doanh nghiệp spin-off, nhiều doanh nghiệp niêm yết thành công hoặc được quỹ đầu tư lớn mua lại. Và tại trường Đại học Oxford University Innovation (OUI) trung bình mỗi năm tạo ra 20–25 doanh nghiệp spin-off, đặc biệt mạnh về công nghệ y sinh và dược phẩm.

Tại trường ĐHBKHN – BKAI, BKTech một số công nghệ AI, IoT từ các phòng lab đã phát triển thành doanh nghiệp cung cấp giải pháp thương mại cho doanh nghiệp Việt Nam. Hoặc trường ĐH Công nghệ – ĐHQGHN: doanh nghiệp spin-off về xử lý ảnh, an ninh mạng một số startup như NAL Solutions, InfoRe phát triển từ nhóm nghiên cứu của trường, có sản phẩm thương mại rộng rãi.

2.2.5. Mô hình đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo

Tích hợp đổi mới sáng tạo vào môn học, chương trình liên ngành và hoạt động học tập trải nghiệm.

Một số trường đại học ở Việt Nam cũng đã ứng dụng mô hình này như trường đại học VinUni – VinFast Innovation Labs sinh viên làm dự án thật với VinFast, Vingroup AI; nhiều nhóm sinh viên có bài báo quốc tế hoặc sản phẩm ứng dụng. Hoặc trường ĐH Kinh tế TP.HCM (UEH) – UEH Innovation Institute đã triển khai các môn học về đổi mới sáng tạo, kinh tế số; sinh viên tham gia dự án thực tế với doanh nghiệp.

2.2.6. Mô hình không gian mở – kết nối cộng đồng (Open Lab, Living Lab)

Đại học xây dựng không gian nghiên cứu – thử nghiệm chia sẻ cho doanh nghiệp, startup, chính quyền địa phương. Tại trường đại học Chalmers University (Thụy Điển) – Living Lab về giao thông thông minh đã test công nghệ xe tự lái, quản lý giao thông cho đô thị Gothenburg. Và tại trường ĐH FPT – F-Ville (Hòa Lạc) có khu dịch vụ công nghệ thông tin và phần mềm; doanh nghiệp có thể thử nghiệm sản phẩm, sinh viên tham gia dự án thực.

Các mô hình trên cho thấy đổi mới sáng tạo trong trường đại học không chỉ là định hướng chiến lược mà đã trở thành chuỗi thực hành cụ thể, từ quản trị sở hữu trí tuệ, hỗ trợ startup, hợp tác R&D đến đổi mới chương trình đào tạo. Sự đa dạng mô hình phản ánh mức độ trưởng thành của hệ sinh thái đổi mới và tạo nền tảng để xây dựng chính sách thúc đẩy đại học đóng góp sâu hơn vào tăng trưởng kinh tế tri thức.

2.3. Thách thức trong triển khai đổi mới sáng tạo tại các trường đại học Việt Nam

Đổi mới sáng tạo tại các trường đại học ở Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng, tuy nhiên tiến trình này đang đối mặt với nhiều thách thức mang tính hệ thống, cấu trúc và nguồn lực. Các thách thức này ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành hệ sinh thái ĐMST bền vững trong giáo dục đại học.

2.3.1. Hạn chế về chính sách và khung pháp lý

Cơ chế tự chủ chưa đồng bộ: Hầu hết các trường mới chuyển sang tự chủ ở mức độ hạn chế, đặc biệt là về tài chính. Nhiều quy định về quản lý tài sản công, chi trả thu nhập, hợp đồng nghiên cứu, ... vẫn còn ràng buộc, khiến trường khó linh hoạt trong triển khai ĐMST. Ví dụ: Nhiều trường gặp vướng mắc khi thành lập doanh nghiệp spin-off do chưa có hướng dẫn chi tiết về quản trị, cổ phần hóa kết quả nghiên cứu.

Cơ chế chia sẻ lợi ích từ thương mại hóa KQNC chưa rõ ràng: Quy định về sở hữu trí tuệ và phân chia lợi ích giữa giảng viên – trường – doanh nghiệp còn thiếu cụ thể. Điều này vừa làm giảm động lực của nhà khoa học, vừa khiến doanh nghiệp e ngại hợp tác.

2.3.2. Nguồn lực khoa học và công nghệ còn hạn chế

Tài chính đầu tư cho nghiên cứu thấp: Chi cho R&D của nhiều trường < 2% tổng ngân sách hoạt động Ngân sách nhà nước cho nghiên cứu còn phân tán, ưu tiên chưa rõ rệt.

Thiếu đội ngũ nhân sự chuyên trách về chuyển giao công nghệ: Các trung tâm khởi nghiệp – đổi mới sáng tạo tại nhiều trường chỉ có 2–5 nhân sự, đa số kiêm nhiệm. Nhiều cán bộ chưa có kinh nghiệm trong vận hành vườn ươm, hỗ trợ pháp lý sở hữu trí tuệ, phát triển thị trường cho công nghệ.

2.3.3. Năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên và giảng viên còn phân tán

Hạn chế về tư duy khởi nghiệp – đổi mới sáng tạo: ĐMST còn được hiểu khá hẹp, chủ yếu dưới dạng cuộc thi ý tưởng, mô hình khởi nghiệp đơn lẻ. Sinh viên thiếu kỹ năng: phân tích thị trường, thử nghiệm công nghệ, lập kế hoạch tài chính.

Ít giảng viên có thể dẫn dắt nghiên cứu ứng dụng: Phần lớn giảng viên ưu tiên công bố khoa học để phục vụ tiêu chí đánh giá. Các nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu đặt hàng từ doanh nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ.

2.3.4. Liên kết đại học – doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả

Doanh nghiệp chưa coi trường đại học là đối tác R&D: Ở Việt Nam, tỷ lệ doanh nghiệp đặt hàng nghiên cứu tại trường còn rất thấp. Doanh nghiệp lo ngại quy trình chậm, công nghệ không cập nhật, thiếu cơ chế bảo mật.

Khó khăn trong thương mại hóa: Thị trường cho các sản phẩm nghiên cứu từ trường đại học còn yếu. Nhiều kết quả nghiên cứu không đáp ứng yêu cầu về năng lực cạnh tranh hoặc thiếu chiến lược phát triển sản phẩm.

2.3.5. Yếu tố văn hóa tổ chức và quản trị

Tâm lý “an toàn” trong trường đại học: Môi trường công lập còn nặng về thủ tục, sợ trách nhiệm. ĐMST đòi hỏi rủi ro, thử nghiệm – nhưng việc “dám làm” chưa trở thành giá trị chung trong nhiều trường.

Cơ chế đánh giá – khen thưởng chưa khuyến khích đổi mới: Tiêu chí đánh giá giảng viên vẫn nghiêng về giảng dạy và công bố học thuật. Hoạt động hỗ trợ startup hoặc phát triển công nghệ chưa được ghi nhận tương xứng.

2.3.6. Hạ tầng nghiên cứu và hệ sinh thái hỗ trợ còn thiếu đồng bộ

Thiếu các phòng lab, trung tâm mô phỏng, fablab tiêu chuẩn: Nhiều trường chưa có cơ sở vật chất để thử nghiệm sản phẩm, mô phỏng kỹ thuật, hay kiểm định. Điều này khiến sinh viên chủ yếu “đổi mới sáng tạo trên giấy”.

Hệ sinh thái hỗ trợ rời rạc: Các vườn ươm, trung tâm chuyển giao công nghệ hoạt động nhưng kết nối còn yếu. Chưa hình thành chuỗi đầy đủ đào tạo – ươm tạo – tăng tốc – thương mại hóa – đầu tư.

Những thách thức mà Việt Nam đang gặp phải không chỉ nằm ở thiếu nguồn lực, mà sâu xa hơn là cấu trúc hệ thống, cơ chế vận hành, và năng lực kết nối trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Điều này đòi hỏi các giải pháp mang tính chính sách tổng thể và chiến lược dài hạn.

2.4. Hàm ý chính sách — khuyến nghị thực tiễn

Cải thiện khung đánh giá và khen thưởng: Sửa tiêu chí xét duyệt hồ sơ thăng tiến/giảng dạy để công nhận việc chuyển giao tri thức, thành lập doanh nghiệp khoa học công nghệ, hợp tác với doanh nghiệp và đóng góp cho địa phương (societal impact). Điều này giảm xung đột lợi ích giữa xuất bản khoa học và đổi mới ứng dụng.

Tăng cường tài chính công cho giai đoạn đầu: Thành lập các quỹ “proof-of-concept” và voucher đổi mới cho các nhóm nghiên cứu/trường để thử nghiệm ý tưởng, phát triển mẫu thử và chuẩn bị thương mại hóa. Nhà nước có thể đồng-đầu tư cùng quỹ tư nhân để giảm rủi ro.

Hỗ trợ cơ quan trung gian và mạng lưới khu vực: Khuyến khích phát triển TTO chuyên nghiệp, trung tâm ươm tạo, không chỉ trong các trường lớn mà cả vùng, kết nối với doanh nghiệp địa phương và chính quyền tỉnh (cluster approach). Chính sách nên hỗ trợ đào tạo năng lực quản lý đổi mới cho lãnh đạo trường và cán bộ TTO.

Khung pháp lý rõ ràng về sở hữu trí tuệ và chia sẻ lợi ích: Ban hành hướng dẫn tiêu chuẩn về quyền sở hữu IP, chia sẻ doanh thu và ưu đãi thuế cho hợp tác R&D để tạo niềm tin giữa các bên. Điều này thúc đẩy giảng viên/nhà nghiên cứu tham gia thương mại hóa.

Tích hợp đổi mới vào đào tạo cơ bản và phát triển kỹ năng: Khuyến khích các trường thiết kế môn học liên ngành, mô-đun đổi mới sáng tạo, chương trình kép với doanh nghiệp (co-op), trao quyền cho sinh viên thực hành xây dựng sản phẩm, vận hành vườn ươm. UNESCO/OECD khuyến nghị hỗ trợ chương trình đào tạo giảng viên để nâng cao năng lực dạy đổi mới.

III. KẾT LUẬN

Để các trường đại học thực sự trở thành động lực cho đổi mới sáng tạo, cần tiếp cận toàn diện:

thay đổi cơ chế quản trị nội bộ, nguồn lực tài chính, chương trình đào tạo và khung pháp luật, đồng thời phát triển mạng lưới hợp tác với doanh nghiệp và cộng đồng. Những nước/địa phương đã thành công kết hợp chính sách công hỗ trợ (quỹ giai đoạn đầu, ưu đãi về IP), khuôn khổ đánh giá mới và văn hóa khởi nghiệp mở rộng trong cộng đồng đại học. Ở bối cảnh Việt Nam, những nỗ lực gần đây cho thấy tín hiệu tích cực nhưng cần cải cách có trọng tâm và tăng quy mô đầu tư để thu hẹp khoảng cách với các hệ sinh thái đổi mới cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

OECD / European Commission — HEInnovate framework & country reviews (chỉ dẫn chính sách hỗ trợ đổi mới và khởi nghiệp trong HE). OECD

UNESCO — Khuyến nghị và hoạt động về đổi mới trong giáo dục đại học, OER và Open Science. oars.uos.ac.uk

Nghiên cứu về chuyển giao công nghệ & case Stanford: “Licensing life — The evolution of Stanford university's technology transfer practice”. ResearchGate

Báo cáo/chương trình đổi mới sáng tạo ở Việt Nam (ví dụ công bố “Giải pháp Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2023” của Bộ, các chương trình hỗ trợ địa phương).